



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Văn Tân
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Lê Quốc Ân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huệ
Ông Nguyễn Thanh Sơn
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Hải
Bà Hoàng Thùy Oanh
Bà Trần Tường Anh
Ông Nguyễn Ngọc Bình
Ông Phạm Ngọc Trung
Bà Trần Thị Hòa Châu
Ông Phan Văn Phước
Ông Phan Quang Long
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 9 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-204-R



Wang Ton Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.105.249.820.728	1.014.853.260.067
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	16.796.205.369	9.877.011.101
Tiền	111		16.796.205.369	9.877.011.101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.826.195.600	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	13.826.195.600	14.191.267.129
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		404.269.485.541	302.478.522.202
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	347.182.927.632	246.793.332.160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50.636.717.753	46.535.275.275
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		761.400.000	806.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	7.248.667.267	9.382.309.529
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.560.227.111)	(1.038.794.762)
Hàng tồn kho	140	13	633.815.236.479	625.263.992.662
Hàng tồn kho	141		634.225.665.655	625.461.040.372
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(410.429.176)	(197.047.710)
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.542.697.739	63.042.466.973
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	8.495.214.279	6.816.262.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.047.483.460	56.197.793.312
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	-	28.411.388

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		651.969.487.539	600.030.195.169
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.633.573.327	3.269.768.621
Phải thu về cho vay dài hạn	215		808.500.000	1.166.700.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.825.073.327	2.103.068.621
Tài sản cố định	220		548.814.840.416	507.586.010.408
Tài sản cố định hữu hình	221	14	546.053.373.548	504.283.982.706
<i>Nguyên giá</i>	222		1.181.066.452.767	1.133.800.947.455
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(635.013.079.219)	(629.516.964.749)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.761.466.868	3.302.027.702
<i>Nguyên giá</i>	228		9.306.357.773	9.306.357.773
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.544.890.905)	(6.004.330.071)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.104.135.932	23.345.796.656
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	35.104.135.932	23.345.796.656
Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.022.826.114	48.497.181.832
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	51.206.900.000	51.206.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(16.844.775.886)	(19.370.420.168)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	905.000.000	4.905.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		18.394.111.750	17.331.437.652
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	18.394.111.750	17.331.437.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.757.219.308.267	1.614.883.455.236

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.389.590.691.939	1.222.198.383.237
Nợ ngắn hạn	310		1.087.795.875.317	914.162.403.873
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	270.515.403.526	193.881.468.619
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.673.869.894	7.982.594.411
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	5.934.719.792	6.815.776.810
Phải trả người lao động	314		130.111.788.366	107.269.015.025
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.058.252.588	7.844.587.574
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	26.262.460.933	14.676.179.397
Vay ngắn hạn	320	22(a)	593.890.165.281	529.997.941.308
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	54.349.214.937	45.694.840.729
Nợ dài hạn	330		301.794.816.622	308.035.979.364
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.364.117.067	19.029.246.445
Vay dài hạn	338	22(b)	284.430.699.555	289.006.732.919
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		367.628.616.328	392.685.071.999
Vốn chủ sở hữu	410	24	367.628.616.328	392.685.071.999
Vốn cổ phần	411	25	225.000.000.000	225.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	94.980.528.117	81.691.135.310
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.648.088.211	85.993.936.689
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		809.662.261	5.386.228.461
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		46.838.425.950	80.607.708.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.757.219.308.267	1.614.883.455.236

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

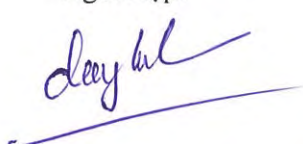
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.993.578.564.765	1.748.700.897.654
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		825.897.590	1.280.572.136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.992.752.667.175	1.747.420.325.518
Giá vốn hàng bán	11		1.845.222.752.817	1.609.898.756.380
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		147.529.914.358	137.521.569.138
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	9.244.989.143	14.828.494.820
Chi phí tài chính	22	31	17.718.626.424	20.846.371.048
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.843.775.733	12.461.132.655
Chi phí bán hàng	25	32	37.427.207.764	55.474.201.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	54.301.983.676	55.293.075.439
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		47.327.085.637	20.736.415.698
Thu nhập khác	31		3.156.602.977	704.330.547
Chi phí khác	32		1.032.257.300	641.492.647
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.124.345.677	62.837.900
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.451.431.314	20.799.253.598
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.613.005.364	1.294.468.039
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		46.838.425.950	19.504.785.559

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng

Người duyệt:





Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018	30/6/2017
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		49.451.431.314	20.799.253.598
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		59.950.951.869	53.131.523.105
Các khoản dự phòng	03		(1.790.830.467)	3.323.591.104
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.603.737.142	583.989.802
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.573.640.946)	(3.770.511.163)
Chi phí lãi vay	06		11.843.775.733	12.461.132.655
Biến động khác	07		-	(13.166.187)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		120.485.424.645	86.515.812.914
Biến động các khoản phải thu	09		(72.277.766.444)	(65.583.856.181)
Biến động hàng tồn kho	10		(8.764.625.283)	(86.609.167.261)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		100.774.434.516	(12.656.288.204)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.741.626.104)	(3.722.738.661)
			137.475.841.330	(82.056.237.393)
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.198.759.219)	(10.279.265.554)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.575.384.772)	(2.793.510.871)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		71.067.527	66.826.090
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.995.992.221)	(2.309.081.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		103.776.772.645	(97.371.269.328)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(115.209.373.925)	(76.013.351.616)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.383.478.182	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(1.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		4.768.271.529	24.281.300.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.600.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.494.121.640	2.895.197.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.563.502.574)	(48.566.854.117)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	59.625.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.468.603.136.303	1.464.960.147.547
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.417.064.978.106)	(1.344.095.837.967)
Tiền trả cổ tức	36		(44.832.234.000)	(39.412.218.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.705.924.197	141.077.091.180
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.919.194.268	(4.861.032.265)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		9.877.011.101	19.546.211.922
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	16.796.205.369	14.685.179.657

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Biên Hòa - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-002 ngày 29 tháng 1 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Bạc Liêu - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-015 ngày 7 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Cần Thơ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cần Thơ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-016 ngày 15 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tỉnh Nghệ An – Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-017 ngày 19 tháng 12 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 6 công ty con và 1 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có 8.619 nhân viên (1/1/2018: 8.674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	27.199.316	36.428.500
Tiền gửi ngân hàng	16.769.006.053	9.840.582.601
	16.796.205.369	9.877.011.101

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2018		1/1/2018
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	13.826.195.600	13.826.195.600	14.191.267.129
			14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	4.905.000.000
			(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,5% đến 7,2% một năm (2017: 6,2% đến 7,2%) một năm

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,2% (2017: 6,2% đến 6,6%) một năm

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/6/2018							1/1/2018				
Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.536.229.862)	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.667.900.000)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	54,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(3.229.799.747)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(3.218.625.775)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(719.462.607)	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(3.157.658.895)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(33.048.172)	-	100%	100%	2.000.000.000	-
					51.206.900.000	(6.518.540.388)					
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	30/6/2018			Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	1/1/2018			Dự phòng VND
				% quyền biểu quyết	Giá gốc VND					% quyền biểu quyết	Giá gốc VND		
Đơn vị khác													
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000		(26.235.498)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000		(26.235.498)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000		-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000		-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000		(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000		(6.300.000.000)
					7.755.702.000		(6.326.235.498)						7.755.702.000 (6.326.235.498)
					62.962.602.000		(16.844.775.886)						62.962.602.000 (19.370.420.168)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Motives (Far East) Limited	115.420.467.149	116.161.660.223
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	37.041.176.675	34.026.138.653
Supreme International Inc.	35.251.272.874	13.391.542.904
Haggar Clothing Co.	25.676.273.617	4.416.632.069
Hultafors Group AB	23.779.366.994	-
Kuraray Trading Co., Ltd.	15.995.622.574	1.006.101.222
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	15.764.007.714	19.480.437.010
Các khách hàng khác	78.254.740.035	58.310.820.079
	347.182.927.632	246.793.332.160

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 203.000 triệu VND (1/1/2018: 203.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	388.536.710	83.482.800
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	37.041.176.675	34.026.138.653
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	1.112.867.960	273.630.030
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	-	150.000.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	2.425.000	-
	38.545.006.345	34.533.251.483

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	22.061.233	871.204
Tạm ứng	978.313.560	1.020.240.591
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.164.895.613	6.369.490.920
Phải thu khác	3.083.396.861	1.991.706.814
	7.248.667.267	9.382.309.529

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2018			Thời gian quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 1 - 2 năm	4.833.744.036	(533.744.036)	4.300.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	Trên 3 năm	36.310.204	(36.310.204)	-	Trên 3 năm	48.621.891	(48.621.891)	-
		5.860.227.111	(1.560.227.111)	4.300.000.000		1.038.794.762	(1.038.794.762)	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(1.560.227.111)

(1.038.794.762)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	111.231.498.229	-	63.150.243.596	-
Nguyên vật liệu	206.110.549.495	-	185.449.771.674	-
Công cụ và dụng cụ	284.559.370	-	125.411.229	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	219.897.431.673	-	211.371.764.230	-
Thành phẩm	88.775.395.657	(410.429.176)	72.905.961.695	(197.047.710)
Hàng hóa	632.612.850	-	540.361.780	-
Hàng gửi đi bán	7.293.618.381	-	91.917.526.168	-
	634.225.665.655	(410.429.176)	625.461.040.372	(197.047.710)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 217.688 triệu VND (1/1/2018: 221.188 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 493 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2018: 222 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	269.872.495.171	751.122.255.686	35.305.359.285	5.949.928.279	71.550.909.034	1.133.800.947.455
Tăng trong kỳ	89.108.893	8.081.107.307	114.256.642	688.401.454	2.505.189.387	11.478.063.683
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.564.734.668	86.432.015.404	2.260.246.999	-	1.244.279.999	92.501.277.070
Thanh lý	-	(56.505.152.846)	-	(156.616.231)	(52.066.364)	(56.713.835.441)
Số dư cuối kỳ	272.526.338.732	789.130.225.551	37.679.862.926	6.481.713.502	75.248.312.056	1.181.066.452.767
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	87.110.426.747	472.482.250.319	23.442.670.457	3.864.369.153	42.617.248.073	629.516.964.749
Khấu hao trong kỳ	8.644.246.320	43.575.990.245	1.976.453.610	452.740.383	4.760.960.477	59.410.391.035
Thanh lý	-	(53.717.052.424)	-	(145.157.777)	(52.066.364)	(53.914.276.565)
Số dư cuối kỳ	95.754.673.067	462.341.188.140	25.419.124.067	4.171.951.759	47.326.142.186	635.013.079.219
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	182.762.068.424	278.640.005.367	11.862.688.828	2.085.559.126	28.933.660.961	504.283.982.706
Số dư cuối kỳ	176.771.665.665	326.789.037.411	12.260.738.859	2.309.761.743	27.922.169.870	546.053.373.548

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 144.206 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 185.492 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 340.949 triệu VND (1/1/2018: 353.132 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 22(a)) và dài hạn (Thuyết minh 22(b)) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	9.306.357.773
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.004.330.071
Khấu hao trong kỳ	540.560.834
Số dư cuối kỳ	6.544.890.905
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.302.027.702
Số dư cuối kỳ	2.761.466.868

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.840 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	23.345.796.656	7.760.128.847
Tăng trong kỳ	104.259.616.346	72.421.651.303
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(92.501.277.070)	(51.569.805.526)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.201.110.750)
Số dư cuối kỳ	35.104.135.932	27.410.863.874

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	18.895.679.476	22.487.064.840
Cải tạo hệ thống trạm biến áp Nhà máy Sợi 1	9.927.068.950	118.181.817
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 2	6.084.400.000	-
Khác	196.987.506	740.549.999
	35.104.135.932	23.345.796.656

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	575.897.748	653.439.277
Công cụ và dụng cụ	4.367.479.260	3.059.785.947
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	486.197.837	625.649.168
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.065.639.434	2.477.387.881
	8.495.214.279	6.816.262.273

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	11.886.534.568	5.444.903.084	17.331.437.652
Tăng trong kỳ	5.502.749.082	2.072.409.983	7.575.159.065
Phân bổ trong kỳ	(4.714.214.720)	(1.798.270.247)	(6.512.484.967)
Số dư cuối kỳ	12.675.068.930	5.719.042.820	18.394.111.750

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ecom Agroindustrial Asia Pte Ltd	18.963.301.137	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.787.037.686	9.230.356.984
Hultafors Group AB	17.335.265.255	21.335.354.164
Suvet Commodities DMCC	14.835.706.685	-
Glencore Agriculture B.V	12.386.150.743	-
Rcma Asia Pte Ltd	10.260.878.569	-
Devcot S.A	8.739.343.800	-
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	6.029.289.000	8.159.829.710
Indorama Polyester Industries PCL	6.105.622.512	8.113.148.762
Motives (Far East) Limited	5.958.580.525	3.048.790.041
Kufner Hong Kong Limited	5.758.169.902	5.730.921.028
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	5.484.161.361	5.468.668.883
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	4.721.468.381	7.863.820.177
Công ty TNHH Coats Phong Phú	4.595.875.149	2.450.803.264
Pang Rim Co., Ltd.	-	6.261.482.533
The Kingtex Corporation	3.383.593.756	3.400.535.534
Gozek Tekstil Ithakat Ihracat San	1.489.914.345	5.905.995.057
Các nhà cung cấp khác	125.681.044.720	106.911.762.482
	270.515.403.526	193.881.468.619

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.787.037.686	9.230.356.984
Công ty con		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	5.484.161.361	5.468.668.883
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Phú Ninh	114.831.288	114.831.288
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	4.595.875.149	2.450.803.264
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	148.992.087
	28.981.905.484	17.413.652.506

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế nhập khẩu	27.500.761	-	(27.500.761)	-
Các loại thuế khác	910.627	-	(910.627)	-
	28.411.388	-	(28.411.388)	-

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.340.445.177	46.962.362.769	(46.913.103.466)	4.389.704.480
Thuế nhập khẩu	-	404.752.674	(355.586.584)	49.166.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.430.560.008	2.613.005.364	(3.575.384.772)	1.468.180.600
Thuế thu nhập cá nhân	44.771.625	1.858.132.294	(1.875.235.297)	27.668.622
Tiền thuê đất	-	1.915.542.730	(1.915.542.730)	-
Các loại thuế khác	-	128.121.614	(128.121.614)	-
	6.815.776.810	53.881.917.445	(54.762.974.463)	5.934.719.792

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí hoạt động	2.082.616.758	6.537.047.256
Chi phí lãi vay	538.266.162	893.249.648
Các khoản trích trước khác	437.369.668	414.290.670
	3.058.252.588	7.844.587.574

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Kinh phí công đoàn	8.254.318.692	8.341.981.557
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.793.424.723	7.284.663
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	383.232.180	695.536.532
Giá trị hàng nguyên vật liệu mượn phải trả	11.519.464.240	2.056.359.344
Cổ tức phải trả	823.466.547	655.700.547
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	783.985.878	783.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.704.568.673	2.135.330.876
	26.262.460.933	14.676.179.397

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	501.251.636.087	1.457.122.093.801	(1.403.088.468.624)	4.413.410.866	559.698.672.130
Vay dài hạn đến hạn trả	28.746.305.221	19.262.456.200	(13.976.509.482)	159.241.212	34.191.493.151
	529.997.941.308	1.476.384.550.001	(1.417.064.978.106)	4.572.652.078	593.890.165.281

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,5%	141.923.053.434	156.641.387.962
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,4%	177.573.216.015	76.041.333.812
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	2,5%	129.737.384.140	72.342.581.182
Vay ngân hàng 4 (ii)	USD	-	-	25.674.654.486
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	2,4%	6.149.979.177	40.286.373.580
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,95%	104.115.039.364	130.115.305.065
Vay Ban liên lạc hưu trí (i)	VND	10%	200.000.000	150.000.000
			559.698.672.130	501.251.636.087

(i) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(ii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	318.622.192.706	317.753.038.140
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(34.191.493.151)	(28.746.305.221)
 Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	 284.430.699.555	 289.006.732.919

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	43.202.479.875	49.863.684.153
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25 - 3,75%	2020	10.091.978.454	12.480.091.390
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5%	2021	3.751.388.204	4.330.051.485
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5%	2021	4.298.657.016	4.924.145.488
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2 - 5,7%	2022	25.885.716.167	14.963.618.830
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	16.096.500.000	18.199.200.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR 6 tháng + 1,45%	2035	215.295.472.990	212.992.246.794
				318.622.192.706	317.753.038.140

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	45.694.840.729	32.703.405.058
Trích lập trong kỳ	26.894.881.621	15.677.202.084
Tăng khác	71.067.527	66.826.090
Sử dụng trong kỳ	(18.311.574.940)	(2.309.081.600)
Số dư cuối kỳ	54.349.214.937	46.138.351.632

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	165.375.000.000	71.004.131.623	73.094.184.232	309.473.315.855
Phát hành cổ phiếu	59.625.000.000	-	-	59.625.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	19.504.785.559	19.504.785.559
Phân bổ vào các quỹ	-	10.687.003.687	(10.687.003.687)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(41.343.750.000)	(41.343.750.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(15.677.202.084)	(15.677.202.084)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	225.000.000.000	81.691.135.310	24.891.014.020	331.582.149.330
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	46.838.425.950	46.838.425.950
Phân bổ vào các quỹ	-	13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(26.894.881.621)	(26.894.881.621)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	225.000.000.000	94.980.528.117	47.648.088.211	367.628.616.328

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 41.344 triệu VND cho năm 2016, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	936.289.748	-
Trong vòng hai đến năm năm	17.592.524.377	21.778.588.963
Sau năm năm	6.647.895.215	12.303.194.208
	25.176.709.340	34.081.783.171

(b) Ngoại tệ các loại

		30/6/2018		1/1/2018
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	199.306	4.567.931.781	260.955	5.911.110.748
EUR	250	6.647.806	256	6.929.126
		4.574.579.587		5.918.039.874

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	122.000.000.000	43.800.000.000

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.494.121.640	2.917.711.163
Cổ tức được chia	1.495.600.000	852.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.188.328.470	10.956.205.961
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.939.033	101.777.696
	9.244.989.143	14.828.494.820

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.843.775.733	12.461.132.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.796.757.831	4.423.231.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.603.737.142	583.989.802
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(2.525.644.282)	3.374.143.962
Chi phí tài chính khác	-	3.873.011
	17.718.626.424	20.846.371.048

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.537.652.956	3.666.799.445
Chi phí vật liệu, bao bì	436.321.484	504.927.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.028.342	125.550.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.927.430.474	41.099.554.287
Chi phí khác	9.484.774.508	10.077.370.579
	37.427.207.764	55.474.201.773

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	27.705.377.257	30.333.784.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.500.895.396	3.142.038.808
Thuế, phí và lệ phí	1.411.485.113	1.235.474.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.105.017.808	9.685.004.184
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	521.432.349	(50.552.858)
Chi phí khác	11.057.775.753	10.947.325.866
	54.301.983.676	55.293.075.439

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.583.919.306	64.545.455
Các khoản thu nhập khác	572.683.671	639.785.092
	3.156.602.977	704.330.547

35. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	470.169.619	211.627.650
Các khoản chi phí khác	562.087.681	429.864.997
	1.032.257.300	641.492.647

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.093.464.981.781	1.045.986.025.217
Chi phí nhân viên	459.551.135.428	371.048.638.739
Chi phí khấu hao	59.950.951.869	53.131.523.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	264.660.288.306	280.079.095.130

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.613.005.364	1.294.468.039

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.451.431.314	20.799.253.598
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	4.945.143.131	2.079.925.360
Ưu đãi thuế	(1.915.085.167)	(1.004.218.892)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	382.054.348	214.611.584
Chi phí không được khấu trừ thuế	174.613.227	156.509.058
Thu nhập không bị tính thuế	(149.560.000)	(85.280.000)
Giảm thuế	(66.188.500)	(105.224.400)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(757.971.675)	38.145.329
	2.613.005.364	1.294.468.039

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	29.231.242.000	26.856.205.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	905.331.819	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.069.962.360	7.304.064.540
Lãi vay nhập gốc vay	-	4.373.754.731
Chi phí lãi vay	2.262.970.257	-
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.376.690.292	1.418.921.271
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.127.935.264	395.843.891
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.725.105	11.286.364
Mua hàng hóa và dịch vụ	46.372.488.993	54.843.084.604
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	642.800.000
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	41.663.242	77.428.040
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.695.799.787	25.399.193.482
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	415.184.646	317.063.160
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.146.839.361	33.863.384.133

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.360.000	40.340.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.207.835.702	2.970.963.687
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	35.850.606.090	76.713.242.786
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.892.836.233	2.421.288.640
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	246.010.564	159.558.740
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.860.596.489	37.364.953.606
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.704.004	28.659.394
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	22.380.041
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.928.793.813	9.545.664.995
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.280.000	1.071.675.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	3.837.159.886	4.010.112.521



39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.495.600.000	858.200.000
Lãi vay nhập gốc vay	-	4.373.754.731

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người duyệt:

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

